



*Ly'Lech gia đình Khô rổ (con, dân, chiến)  
& lập h/s báo tử được 3/94*

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL#: \_\_\_\_\_

I-171: \_\_\_\_Y\_\_\_\_NO

EXIT VISA #: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

HO # : 31

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN KIM LONG  
Last Middle First

Current Address: 141/116 Ly Nam De P7/Qu Hoc Minh City

Date of Birth: 1928 Place of Birth: Cholon

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/75 To 10/1983  
Years: 08 Months: 02 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH  
FAMILIES OF VIETNAMESE

PRISONERS ASSOCIATION  
NH TRÍ VIỆT NAM  
ISONERS ASSOCIATION

\*Hố 83 hồ bơi  
P. lòng thòng  
ở chi nhánh dưới  
xếp

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL#: \_\_\_\_\_

I-171: \_\_\_\_\_ Y \_\_\_\_\_ NO

EXIT VISA #: X

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**  
(Two Copies)

HO #: 31

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN KIM LONG  
Last Middle First

Current Address: 141/116 Ly Nam De . P7 . Q11 . HCM City

Date of Birth: 1928 Place of Birth: Cho Lon

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.28.75 To 10.24.1983  
Years: 08 Months: 04 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: \_\_\_\_\_

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL#: \_\_\_\_\_

I-171: \_\_\_\_\_ Y \_\_\_\_\_ NO

EXIT VISÁ #: X

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

HO #: 31

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN KIM LONG  
Last Middle First

Current Address: 141/116 Ly Nam De . P7 . Q11 . HCM City

Date of Birth: 1928 Place of Birth: Cho Lon

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.28.75 To 10.24.1983  
Years: 08 Months: 04 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NGUYEN THI HUE                           | 1936          | wife                |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon ngày - tháng - năm 1992

Ước gọi Bà Khúc Minh Thảo

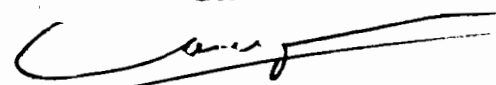
Bước sang năm mới tôi ước chúc Bà và Gia đình được An Khang và thịnh vượng

Thỉnh thưa Bà, tôi tên là Nguyễn Kim Long nguyên là Trung úy Cảnh sát, của Đoàn Q4237. F.42 có quan E4. Thỉnh Cảnh Sát Đặc biệt, Bộ tư Lệnh CS & G. đã bị tập trung cải tạo từ 28.06.1975 đến 24-10-1983 mới được trả tự do, hiện cư ngụ tại số 141/116 đường Lý Nam Đế P.7. Quận 11. TP. HCM.

Bài viết thư này đến Bà, xin Bà giúp đỡ và bảo trợ cho tôi, khi tôi được đến nơi cư trú quê nhà. Tôi xin gửi kèm theo đây các bản sao. Hộ chiếu, giấy báo tin H031, 1 giấy ra Trại, 1 tờ Hồ khẩu, để xin Bà cử xét cho, số tiền cơ lương lương của tôi là: 71.846.

Trong khi mong chờ sự giúp đỡ, bảo trợ của Bà, xin Bà nhận nơi đây tấm lòng kính trọng và sự biết ơn của tôi.

Minh.

  
Ng: Kim Long

BỘ NỘI VỤ  
Trại Xếp loại

Số 675 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QĐ.TG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 25 tháng 11 năm 1972

SUSLD

## GIẤY RA TRẠI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH  
ĐÃ TRÌNH DIỆN

Số 1498

Ngày 1 tháng 11 năm 1983  
PHÒNG CS. GŁHC QĐ TĐHX

Theo thông tư số 966-BCA/TĐ, ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành quyết định tha số

ngày 20 tháng 9 năm 1983

của

Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Kim Long

Sinh năm 1928

4 họ tên gọi khác

Nơi sinh

Quảng Trị

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

141/116 Lý Nam Đế

Phường 7 - Quận 11 - TP HCM

X Can tội Trung úy cảnh sát đặc biệt

Bị bắt ngày 22/6/1975

Án phạt

TĐCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị giam ở

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

Trú quán trên - Quận số 12 tháng

Nhận xét quá trình cải tạo

qua trình học tập cải tạo chưa thấy biểu hiện gì xấu, tỏ ra ngoan ngoãn tương vào đường lối chính sách của Đảng và nhà nước. Khai báo tương đối rõ ràng. Lao động tích cực, năng suất chất lượng cao. Tội quy kỷ luật chấp hành tương đối nghiêm. Được xếp loại cải tạo: khá. Về mặt địa phương, báo cáo tiếp.

Phường ủy phê trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lần tay người trả kết

Của Nguyễn Kim Long

Danh bìn số 1265

Lập tại 02/11/83

Họ tên, chữ ký

được duyệt cấp giấy

Ngày 24 tháng 10 năm 1983

Giám thị

Nguyễn Kim Long

Trung tá: Lê Công Thường

Xác nhận  
Đ/S có đến cấp 7 Q11  
tỉnh giã ở tại  
ngày 23/10/13  
và ký



Nguyễn Văn B



BỘ NỘI VỤ  
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 985 / XC

4420 HCM  
13.292  
24.575

## GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Nguyễn Kim Long.....

Hiện ở: 141 / 116 Lý Nam Đế, P.2, Quận 11, TP. HCM.....

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 08 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 05 hộ chiếu cho gia đình, số:

.....  
.....228.50 / đến 22855 / 9125.....  
.....(Quê Kien-the).....  
.....

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H031 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh sẽ liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ông ..... yên tâm /.

Hà Nội, ngày 1 tháng 5 / 1994.

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Lê Thị Quyên

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 560885 CN

Họ và tên, quê ở:

Ấp, ngõ, số nhà:

Trần, đường phố:

Thường:

Ngày 10.11.83, năm 1983  
Trưởng công an: *Quản*  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3: .....

Huân 10.11.83

# NHỮNG NGƯỜI THUỘC TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN      | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên căn hộ ĐKNK |
|-----------|----------------|--------------------|------------|---------------------|--------------|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| 1         | 2              | 3                  | 4          | 5                   | 6            | 7                           | 8                                           | 9                               | 10              |
| 1         | Nguyễn Thị Huệ | chủ hộ             | nữ         | 8.6.1936            |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 2         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nam        | 13.1.1953           |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 3         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nữ         | 8.8.1954            |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 4         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nữ         | 25.2.1956           |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 5         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nữ         | 21.2.1958           |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 6         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nữ         | 13.9.1961           |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 7         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nữ         | 22.2.1965           |              |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 8         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nữ         | 22.4.1968           | 22.4.1968    |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 9         | Nguyễn Thị Huệ | con                | nam        | 22.5.1970           | 22.5.1970    |                             | 1.10.1976                                   |                                 |                 |
| 10        | Cháu Thị Huệ   | dâu                | nữ         | 1957                |              |                             | 5.1.1977                                    |                                 |                 |
| 11        | Cháu Thị Huệ   | cháu               | nam        | 20.5.1978           |              |                             | 16.11.1978                                  |                                 |                 |
| 12        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nam        | 22.8.1979           |              |                             | 4.9.1979                                    |                                 |                 |
| 13        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nam        | 15.8.1980           |              |                             | 05.8.1980                                   | 22/3/80                         |                 |
| 14        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nam        | 1988                | 02.10.1988   |                             | 25.7.88                                     |                                 |                 |
| 15        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nam        | 20.3.86             |              |                             | 20.11.1986                                  |                                 |                 |
| 16        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nữ         | 14.8.1988           |              |                             | 26.8.1988                                   |                                 |                 |
| 17        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nam        | 16.1.1989           |              |                             | 13.2.1989                                   |                                 |                 |
| 18        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nam        | 8.6.1990            |              |                             | 28.6.1990                                   |                                 |                 |
| 19        | Nguyễn Thị Huệ | con                | nam        | 1983                |              |                             | 20.7.1983                                   |                                 |                 |
| 20        | Nguyễn Thị Huệ | cháu               | nữ         | 9.1991              |              |                             | 10.12.1991                                  |                                 |                 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách cổ thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU  
Passport

Số  
N<sup>o</sup> PT 29850/91 ĐC,

Họ và tên Full name

NGUYỄN KIM LONG

Ngày sinh Date of birth

1928

Nơi sinh Place of birth

Chợ Lớn

Chỗ ở Domicile

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

24. 4. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 1991  
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Trần Nguyễn Kim Thiều

Ngày sinh Date of birth

1978

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29850 XGCấp cho ông Nguyễn Kim LongGiống với miệt UnseenĐến nước: Thụy chương quốc Hoa KỳĐến nơi khác: Trần Văn HảiTrước ngày 24 - 10 - 1991Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

*Trần Văn Hải*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU  
Passport

Số  
N<sup>o</sup> PT 23858/91ĐC,



Họ và tên *Full name*

NGUYỄN KIM HOÀNG

Ngày sinh *Date of birth*

1970

Nơi sinh *Place of birth*

Xã Lớn

Chỗ ở *Domicile*

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu  
*Photo and signature of the passport bearer*

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

*This passport is valid up to*

24. 4. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

*This passport bearer is allowed to travel to*

TẤT CẢ CÁC QUỐC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 1991

*Issued at*

*on*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



*Trưởng phòng*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 22858 XCCấp cho Nguyễn Kim HoàngGửi với 1 ngườiĐến nước: Thụy SĩQua sân khải: Trần Hưng ĐạoTrước ngày 24. 10. 1991Hải Phòng 24 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

*Trần Văn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết

*The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU  
Passport

Số  
N<sup>o</sup> PT 29856/9100,

Họ và tên *Full name*

NGUYỄN THỊ KIM HỒNG

Ngày sinh *Date of birth*

1965

Nơi sinh *Place of birth*

Chợ Lớn

Chỗ ở *Domicile*

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu  
*Photo and signature of the passport bearer*



Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

*This passport is valid up to*

24. 4. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

*This passport bearer is allowed to travel to*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

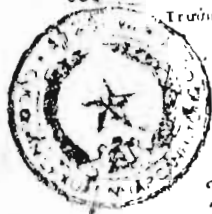
Cấp tại Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 1991

*Issued at*

*on*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẬP

Trưởng phòng



*Trưởng Phòng*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER*

1

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

2

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

3

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHÚ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29856 XCCấp cho Nguyễn Thị Kim Hồng  
Công với 1 trẻ emĐến từ: Thập chủng quốc Hoa KỳQua cửa khẩu: Trần Văn BìnhTrước ngày 24 tháng 10 năm 1991Hs. Ngày 24 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Trần Văn Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU  
Passport

Số  
N<sup>o</sup> PT 29852 / 91 DC,



Họ và tên Full name

NGUYỄN KIM HỒ

Ngày sinh Date of birth

1953

Nơi sinh Place of birth

Chợ Lớn

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

*[Handwritten signature]*



Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

*This passport is valid up to*

24. 4. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

*This passport bearer is allowed to travel to*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 1991  
*Issued at on*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Trưởng Phòng*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
 CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

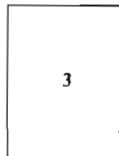
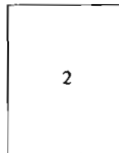
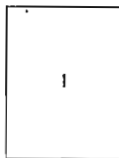
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

## THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29752 XĐã cho Nguyễn Kim HoaCùng với 1 trẻ emĐến nước: Hợp chúng quốc Việt NamQuê: Tên Sơn, Nghệ AnTrước ngày 24 / 10 / 1991Hàng ngày 24 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Lê Văn Tâm

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU  
Passport

Số  
N<sup>o</sup> PT 29854 / 91 ĐC,

Họ và tên Full name

TRẦN THỊ ĐÔNG

Ngày sinh Date of birth

1951

Nơi sinh Place of birth

Biên Giang

Chỗ ở Domicile

TP. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer



Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

*This passport is valid up to*

24. 4. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

*This passport bearer is allowed to travel to*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 1991  
*Issued at on*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
 CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Nguyễn Kim Tuấn

Ngày sinh Date of birth

1979

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên Full name

Nguyễn Kim Quang

Ngày sinh Date of birth

1986

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên Full name

Nguyễn Kim Minh

Ngày sinh Date of birth

1990

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh



BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

## THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29854 XC

Cấp cho Đa Trân Thị Đông  
Công việc làm nghềĐến nước: Thập chủng quốc Hoa KỳQuê quán: Tên Sơn NúiTrước ngày 24 tháng 10 năm 1991Hôm nay 24 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT-NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

*Trần Văn*

Nguyễn Kim Long: 117/116 Ly Nam Đế  
TP. Hồ Chí Minh.

Họ và tên người nhận

Bà Lê Thị

2/92

PAR AVION



Kính gửi: Bà Khắc Minh. Eho

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE :



PAR AVION VIA AIR MAIL

U.S.A.